

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và
số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty Quý II năm 2026.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 48/UBCK-GP đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 35/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 03 năm 2026 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103401797 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 01 năm 2009, thay đổi lần thứ 13 ngày 26 tháng 03 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong kỳ bao gồm:

Ông Nguyễn Duy Khoa	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2026)
Bà Nguyễn Thị Nga	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2026)
Bà Trần Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	
Bà Nguyễn Hồ Nga	Thành viên HĐQT	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ bao gồm:

Bà Nguyễn Hồ Nga	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính này là bà Nguyễn Hồ Nga - Tổng giám đốc.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và
số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và
số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Quý II năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		62,543,202,560	59,887,063,073
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	24,377,502,941	14,692,358,810
111	1. Tiền		23,577,502,941	14,192,358,810
112	2. Các khoản tương đương tiền		800,000,000	500,000,000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	9	36,993,480,456	43,604,723,146
121	1. Đầu tư ngắn hạn		37,914,685,167	43,757,784,406
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(921,204,711)	(153,061,260)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1,091,198,226	1,496,318,544
132	2. Trả trước cho người bán	5	27,118,468	33,210,000
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6	669,488,400	1,442,522,985
135	4. Các khoản phải thu khác	7	394,591,358	20,585,559
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		81,020,937	93,662,573
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	81,020,937	93,662,573
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		21,377,488,683	21,841,739,569
220	II. Tài sản cố định		2,835,864,905	2,892,224,540
221	1. Tài sản cố định hữu hình		-	-
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	2,835,864,905	2,892,224,540
228	- Nguyên giá		3,408,600,000	3,408,600,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(572,735,095)	(516,375,460)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	9	18,464,049,109	18,858,434,429
258	1. Đầu tư dài hạn khác		19,800,000,000	19,800,000,000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1,335,950,891)	(941,565,571)
260	V. Tài sản dài hạn khác		77,574,669	91,080,600
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	77,574,669	91,080,600
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		83,920,691,243	81,728,802,642

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và
số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Quý II năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1,734,770,627	1,162,342,529
310	I. Nợ ngắn hạn		1,734,770,627	1,162,342,529
312	1. Phải trả người bán	11	754,526	482,329,509
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1,333,572,725	270,931,768
315	3. Phải trả người lao động		354,189,025	337,081,252
316	4. Chi phí phải trả	13	28,254,351	54,000,000
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	18,000,000	18,000,000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	82,185,920,616	80,566,460,113
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100,000,000,000	100,000,000,000
420	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(17,814,079,384)	(19,433,539,887)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		83,920,691,243	81,728,802,642

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và
số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Quý II năm 2026

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
006	1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		9,800,000,000	9,800,000,000
007	1.1 Chứng khoán giao dịch		9,800,000,000	9,800,000,000
020	2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ		10,000,000,000	10,000,000,000
030	3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	16	-	565,634,820
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		-	565,634,820
040	4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	17	-	506,408,160,000
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		-	506,408,160,000
051	6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	18	-	1,003,254,840


Nguyễn Thị Liên
Người lập


Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2026

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II năm 2026 VND	Quý II năm 2025 VND
01	1. Doanh thu	19	3,191,858,276	1,097,445,553
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		3,191,858,276	1,097,445,553
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	20	393,107,721	525,561,697
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		2,798,750,555	571,883,856
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,747,564,937	112,146,389
22	7. Chi phí tài chính	22	1,807,776,792	(39,392,258)
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	1,120,222,658	1,211,096,582
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1,618,316,042	(487,674,079)
31	10. Thu nhập khác		-	377,500
32	11. Chi phí khác		-	32,037,405
40	12. Lợi nhuận khác		-	(31,659,905)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1,618,316,042	(519,333,984)
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1,618,316,042</u>	<u>(519,333,984)</u>
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		162	(10)

Nguyễn Thị Liên
Người lập

Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Phố Tông
Đán, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Quý II năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý II năm 2026

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II năm 2026 VND	Quý II năm 2025 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1,618,316,042	(519,333,984)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		56,359,635	69,182,564
03	- Các khoản dự phòng		1,162,528,771	(145,145,554)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(470,370,691)	(112,146,389)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2,366,833,757	(707,443,363)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		404,605,926	(11,595,869)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		5,844,758,092	3,676,026,973
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		572,428,098	(244,324,332)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		26,147,567	47,404,135
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	-	-	29,115,804
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9,214,773,440	2,789,183,348
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		470,370,691	112,146,389
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		470,370,691	112,146,389
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		9,685,144,131	2,901,329,737
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	3	14,692,358,810	2,014,697,997
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	24,377,502,941	4,916,027,734

Nguyễn Thị Liên
Người lập

Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17
Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Quý II năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý II năm 2026

Quý II năm 2026	Thuyết minh	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100,000,000,000		-	100,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(19,432,395,426)	1,618,316,042	-	(17,814,079,384)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	80,567,604,574	1,618,316,042	-	82,185,920,616

Quý II năm 2025	Thuyết minh	Số đầu kỳ VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50,000,000,000		-	50,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(22,011,977,357)	-	(519,333,984)	(22,531,311,341)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	27,988,022,643	-	(519,333,984)	27,468,688,659


Nguyễn Thị Liên
Người lập


Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng


Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2026

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ LPB thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 48/UBCK-GP đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 01 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 35/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 03 năm 2026 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0103401797 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 01 năm 2009, thay đổi lần thứ 13 ngày 26 tháng 03 năm 2026.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 100,000,000,000 đồng; tương đương 10,000,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là: 15 người (tại ngày 01 tháng 04 năm 2026 là: 16 người).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 30/06/2026, Công ty Quản lý Quỹ LPB đang thực hiện quản lý 03 quỹ bao gồm Quỹ Đầu tư Giá trị GFM1, Quỹ Đầu tư trái phiếu LP (LPBF) và Quỹ đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu LP (LPLF)

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 của Bộ Tài chính và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Phân loại và dự phòng nợ phải thu khó đòi;
- Ước tính chi phí trả trước;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/04/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------------|-------------|
| - Máy móc thiết bị | 05 năm |
| - Phần mềm quản lý, website | 05 - 15 năm |
| - Tài sản cố định vô hình khác | 03 năm |

2.8 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán bán ra.

2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Mức trích lập dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng;
- Chi phí trả trước là phí dịch vụ viễn thông, thuê văn phòng, phí bảo hiểm, phí duy trì tên miền, website,... được ghi nhận theo chi phí ban đầu theo giá gốc và phân bổ theo thời hạn trong hợp đồng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản khoản phải trả là các chi phí thực tế đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả như phí quản lý quỹ, phí kiểm toán, các khoản phí khác... nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo quy định của cấp có thẩm quyền.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.15 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

2.16 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

2.17 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.19 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là quản lý danh mục đầu tư, quản lý các quỹ đầu tư và tư vấn, đồng thời chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17
Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Quý II năm 2026

3 . TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23,577,502,941	14,192,358,810
Các khoản tương đương tiền	800,000,000	500,000,000
	24,377,502,941	14,692,358,810

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	28,884,406,600	43,757,784,406
Trái phiếu đầu tư ngắn hạn	9,030,278,567	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(921,204,711)	(153,061,260)
	36,993,480,456	43,604,723,146

5 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	27,000,000	27,000,000
Trả trước cho người bán khác	118,468	6,210,000
	27,118,468	33,210,000

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-	890,994,579
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư	667,534,183	551,319,730
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ khác	1,954,217	208,676
	669,488,400	1,442,522,985
Trong đó: Phải thu hoạt động nghiệp vụ là các bên (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 24)	669,488,400	551,528,406

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	1,171,233	-
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ	3,300,000	3,300,000
Phải thu cổ tức được nhận	90,000,000	-
Phải thu khác	300,120,125	17,285,559
	394,591,358	20,585,559

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17
Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Quý II năm 2026

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí cước dịch vụ viễn thông	39,600,000	39,600,000
Chi phí chỉnh sửa thương hiệu Website Quỹ	-	20,000,000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	41,420,937	34,062,573
Tổng cộng	81,020,937	93,662,573
	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ	10,686,943	12,687,166
Chi phí trả trước dài hạn khác	66,887,726	78,393,434
Tổng cộng	77,574,669	91,080,600

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm,
Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Quý II năm 2026

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tổng giá trị thị trường		Dự phòng	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn								
Cổ phiếu niêm yết								
Cổ phiếu								
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	140,000	-	5,899,491,889	-	5,936,000,000	-	-	-
- Công ty cổ phần Xây dựng Coteccons	-	65,000	-	5,455,360,000	-	5,551,000,000	-	-
- Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	20,000	-	950,000,000	-	966,000,000	-	-
- Công ty Cổ phần FPT	20,000	-	1,474,990,000	-	1,404,000,000	-	(70,990,000)	-
- Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	250,000	340,000	6,060,039,776	9,101,000,000	5,825,000,000	9,146,000,000	(235,039,776)	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	-	180,000	-	4,699,108,571	-	4,761,000,000	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	30,000	55,000	2,238,938,608	4,106,950,000	2,163,000,000	4,152,500,000	(75,938,608)	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	-	20,000	-	1,430,290,000	-	1,370,000,000	-	(60,290,000)
- Công ty cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	24,150	13,000	3,254,030,000	1,962,530,000	2,898,000,000	2,041,000,000	(356,030,000)	-
- Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	48,100	23,000	3,939,816,327	1,968,800,000	3,756,610,000	1,881,400,000	(183,206,327)	(87,400,000)
- Công ty cổ phần Dịch vụ biển Tân Cảng	36,000	36,000	6,017,100,000	6,017,100,000	6,192,000,000	6,152,400,000	-	-
Trái phiếu niêm yết								
- Tập đoàn Vingroup – Công ty CP								
VIC124005	48,680	48,680	4,867,744,116	4,866,976,709	4,881,638,676	4,868,655,720	-	-
VIC124003	41,590	31,992	4,162,534,451	3,199,669,126	4,170,384,431	3,194,297,866	-	(5,371,260)
	638,520	832,672	37,914,685,167	43,757,784,406	37,226,633,107	44,084,253,586	(921,204,711)	(153,061,260)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải
và số 17 Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Quý II năm 2026

9 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tổng giá trị theo giá thị trường (*)		Dự phòng	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Dài hạn								
- Khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư Giá trị GFM1 (1)	1,000,000	1,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000	8,664,049,109	9,058,434,429	(1,335,950,891)	(941,565,571)
- Khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư trái phiếu LP (2)	980,000	980,000	9,800,000,000	9,800,000,000	10,489,302,600	10,249,408,400	-	-
	1,980,000	1,980,000	19,800,000,000	19,800,000,000	19,153,351,709	19,307,842,829	(1,335,950,891)	(941,565,571)

Ghi chú:

Giá trị thị trường của chứng chỉ quỹ được xác định theo giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

(1) Chứng chỉ Quỹ do Quỹ Đầu tư Giá trị GFM1 phát hành với giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2026 và ngày 31/03/2026 lần lượt là 8.664,05 đồng/chứng chỉ quỹ và 9.058,43 đồng/chứng chỉ quỹ.

(2) Chứng chỉ Quỹ do Quỹ Đầu tư trái phiếu LP phát hành với giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày 30/06/2026 và ngày 31/03/2026 lần lượt là 10.703,37 đồng/chứng chỉ quỹ và 10.458,58 đồng/chứng chỉ quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17
Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Quý II năm 2026

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/04/2026	3,378,600,000	30,000,000	3,408,600,000
Tại ngày 30/06/2026	3,378,600,000	30,000,000	3,408,600,000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/04/2026	512,375,460	4,000,000	516,375,460
Trích khấu hao	54,859,635	1,500,000	56,359,635
Tại ngày 30/06/2026	567,235,095	5,500,000	572,735,095
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/04/2026	2,866,224,540	26,000,000	2,892,224,540
Tại ngày 30/06/2026	2,811,364,905	24,500,000	2,835,864,905

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Giải pháp phần mềm tài chính	-	482,250,000
Các khoản phải trả người bán khác	754,526	79,509
	754,526	482,329,509

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Thuế Thu nhập cá nhân	1,333,572,725	270,931,768
	1,333,572,725	270,931,768

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí phải trả khác	28,254,351	54,000,000
	28,254,351	54,000,000

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả ngắn hạn khác	18,000,000	18,000,000
	18,000,000	18,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17
Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Quý II năm 2026

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Quý II năm 2025			
Số đầu kỳ	50,000,000,000	(22,011,977,357)	27,988,022,643
Lãi trong kỳ	-	(519,333,984)	(519,333,984)
Số cuối kỳ	50,000,000,000	(22,531,311,341)	27,468,688,659
Quý II năm 2026			
Số đầu kỳ	100,000,000,000	(19,432,395,426)	80,567,604,574
Lãi trong kỳ	-	1,618,316,042	1,618,316,042
Số cuối kỳ	100,000,000,000	(17,814,079,384)	82,185,920,616

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Quý II năm 2026 VND	Tỷ lệ (%)	Quý II năm 2025 VND
Công ty cổ phần Thaiholdings	15.00	15,000,000,000	15.00	7,500,000,000
Bà Nguyễn Thị Vui	81.28	81,276,000,000	81.28	40,638,000,000
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ Anh	3.72	3,724,000,000	3.72	1,862,000,000
	100.00	100,000,000,000	100.00	50,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý II năm 2026 VND	Quý II năm 2025 VND
- Vốn góp đầu kỳ	100,000,000,000	50,000,000,000
- Vốn góp cuối kỳ	100,000,000,000	50,000,000,000

d) Cổ phiếu

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10,000,000	5,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	10,000,000	5,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10,000,000	5,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	10,000,000	5,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17
Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Quý II năm 2026

16 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	565,634,820	3,721,440,207
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	565,634,820	3,721,440,207
Số tăng trong kỳ	550,700,046,289	2,538,977
Số giảm trong kỳ	(551,265,681,109)	(3,158,344,364)
Số dư cuối kỳ	-	565,634,820

17 . DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	-	-
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	-	506,408,160,000
- Chứng khoán niêm yết	-	506,408,160,000
	-	506,408,160,000

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư	-	890,994,579
Phải trả khác	-	112,260,261
	-	1,003,254,840

19 . DOANH THU

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Phí mua lại chứng chỉ quỹ mở	1,954,217	272,523,591
Doanh thu hoạt động quản lý tài khoản đầu tư	667,534,183	457,157,613
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư	-	300,000,000
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục ủy thác	2,522,369,876	67,764,349
	3,191,858,276	1,097,445,553
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 24)	669,488,400	729,681,204

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17
Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Quý II năm 2026

20 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh	393,107,721	525,561,697
	393,107,721	525,561,697

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	14,109,163	12,271,118
Lãi trái phiếu	246,261,528	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	210,000,000	22,080,000
Lãi bán các loại chứng khoán	1,277,194,246	77,795,271
	1,747,564,937	112,146,389

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Lỗ bán các loại chứng khoán	443,086,217	104,417,244
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1,162,528,771	(145,145,554)
Chi phí tài chính khác	202,161,804	1,336,052
	1,807,776,792	(39,392,258)

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý II năm 2026	Quý II năm 2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	873,837,282	872,537,985
Chi phí đồ dùng văn phòng	8,520,150	13,937,832
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,500,000	3,185,513
Thuế, phí và lệ phí	2,475,574	8,324,290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42,877,759	87,746,897
Chi phí khác bằng tiền	191,011,893	225,364,065
	1,120,222,658	1,211,096,582

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ LPB

Tầng 2, tòa nhà văn phòng LPB Tower, số 210 Trần Quang Khải và số 17
Phố Tông Đản, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Quý II năm 2026

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quỹ đầu tư Giá trị GFM1 (GFM1)	Quỹ thành viên do Công ty quản lý
Quỹ đầu tư trái phiếu LP (LPBF)	Quỹ mở do Công ty quản lý
Quỹ đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu LP (LPLF)	Quỹ mở do Công ty quản lý

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau

	Quý II năm 2026 VND	Quý II năm 2025 VND
Doanh thu hoạt động quản lý Quỹ Đầu tư	667,534,183	457,157,613
Quỹ đầu tư Giá trị GFM1 (GFM1)	215,144,937	254,930,737
Quỹ đầu tư trái phiếu LP (LPBF)	320,706,740	202,226,876
Quỹ đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu LP (LPLF)	131,682,506	-
Phí mua lại chứng chỉ quỹ mở	1,954,217	272,523,591
Quỹ đầu tư trái phiếu LP (LPBF)	481,756	272,523,591
Quỹ đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu LP (LPLF)	1,472,461	-

Số dư với các bên liên quan:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Đầu tư dài hạn theo mệnh giá	19,800,000,000	19,800,000,000
Quỹ đầu tư Giá trị GFM1 (GFM1)	10,000,000,000	10,000,000,000
Quỹ đầu tư trái phiếu LP (LPBF)	9,800,000,000	9,800,000,000
Phải thu các hoạt động nghiệp vụ	669,488,400	551,528,406
Quỹ đầu tư Giá trị GFM1 (GFM1)	215,144,937	240,176,709
Quỹ đầu tư trái phiếu LP (LPBF)	321,188,496	311,351,697
Quỹ đầu tư doanh nghiệp dẫn đầu LP (LPLF)	133,154,967	-

Nguyễn Thị Liên
Người lập

Đỗ Thị Phương Lan
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồ Nga
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2026



**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ LPB**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 193/2026/LPB/CV

V/v: Giải trình LNST kỳ báo cáo biến
động từ 10% trở lên so với báo cáo
cùng kỳ năm trước.

Hà Nội, ngày 15 ngày 07 năm 2026

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

- Vụ Quản lý các Công ty Quản lý quỹ và Quỹ đầu tư chứng khoán.

- Căn cứ khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần quản lý quỹ LPB (“Công ty”) xin được giải trình nội dung lợi nhuận sau thuế kỳ biến động trên 10% so với cùng kỳ năm trước như sau:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Quý II Năm 2026	Quý II Năm 2025	Chênh lệch	Tỷ lệ so sánh
Lợi nhuận sau thuế	1.618.316.042	-519.333.984	2.137.650.026	411,61%

Chênh lệch là do nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Doanh thu hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm trước tăng: 2.094.412.723 đồng. Nguyên nhân là do trong kỳ phát sinh tăng phí quản lý danh mục đầu tư khiến cho tổng doanh thu của Công ty tăng.
- Chi phí hoạt động kinh doanh giảm: 132.453.976 đồng. Điều này là do trong kỳ công ty đã cố gắng tối ưu hóa chi phí nhân sự giúp Công ty tiết kiệm ngân sách và nâng cao hiệu quả hoạt động

Trên đây Công ty xin giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về mức chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên 10% so với cùng kỳ năm trước tại Báo cáo tài chính Quý II năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025 theo quy định của pháp luật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KT;
- Lưu KSNB.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồ Nga